**TUẦN** **11**



***Họ và tên:***………………………………..***Lớp***…………

**Kiến thức cần nhớ**

****

**1. Nhân với 10, 100, 1000; chia cho 10, 100, 1000...**

- Khi nhân số tự nhiên với 10, 100, 1000 ... ta chỉ việc thêm một, hai, ba ... chữ số 0 vào bên phải số đó. ( Số chữ số 0 ở tận cùng của tích bằng tổng số chữ số 0 ở tận cùng các thừa số)

- Khi chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, ... cho 10, 100, 1000, ... ta chỉ việc bỏ bớt một, hai, ba ... chữ số 0 ở bên phải số đó.( Số chữ số 0 ở tận cùng của thương bằng hiệu số chữ số 0 ở số bị chia và số chia)   
  
**2. Tính chất kết hợp của phép nhân**

Kết luận: Muốn nhân tích hai số với số thứ ba, ta có thể nhân số thứ nhất với tích của số thứ hai và số thứ ba.

CTTQ**: (a** × **b)** × **c = a** × **(b** × **c) Ví dụ: (2 × 3) × 4 = (2 × 3) × 4**

**\*)** Ta thường vận dụng tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép nhân vào tính thuận tiện khi tính giá trị biểu thức. Khi thực hiện tính giá trị một biểu thức chỉ gồm các dấu phép tính nhân, ta có thể nhóm những thừa số có tích là số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn để thực hiện tính cho thuận tiện mà kết quả phép tính vẫn đúng.

**Ví dụ (2 × 3) × 5 = (2 × 5) × 3 = 10 × 3 = 30**

**3. Nhân với số có tận cùng là chữ số 0**

Ví dụ

a) 1324×20=? Ta đặt tính rồi tính như sau:

|  |  |
| --- | --- |
|  | Viết chữ số 0 vào hàng đơn vị của tích.  2 nhân 4 bằng 8, viết 8 vào bên trái 0.  2 nhân 2 bằng 4, viết 4 vào bên trái 8.  2 nhân 3 bằng 6, viết 6 vào bên trái 4.  2 nhân 1 bằng 2, viết 2 vào bên trái |
| 1324  20 = 26480 | |

b) 230×70=?

|  |  |
| --- | --- |
|  | Viết hai chữ số 0 vào hàng đơn vị và hàng chục của tích.  7 nhân 3 bằng 21, viết 1 vào bên trái 0, nhớ 2.  7 nhân 2 bằng 14, thêm 2 bằng 16, viết 16 vào bên trái 1 |
|  | 230×70= 161 |

+ Khi nhân với số có tận cùng là chữ số 0, ta thực hiện đặt tính rồi tính như sau:

- Đặt tính: Viết thừa số thứ nhất rồi viết thừa số thứ hai dưới thừa số thứ nhất, viết dấu nhân giữa hai thừa số, kẻ gạch ngang thay cho dấu bằng.

- Tính: đếm xem ở tận cùng cả hai thừa số có bao nhiêu chữ số 0, thì ta viết vào tích bây nhiêu chữ số 0 ( viết từ phải sang trái). Sau đó ta thực hiện nhân các chữ số còn lại như quy tắc nhân với số có một chữ số và viết kết quả tìm được vào trước các chữ số 0 vừa viết.

4. Đề-xi-mét vuông, mét vuông.

Để đo diện tích người ta còn dùng đơn vị: đề-xi-mét vuông, mét vuông.

Đề-xi-mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1dm. Đề-xi-mét vuông viết tắt là dm2.

**1dm2 = 100cm2**

Mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1m

-Đọc: mét vuông

- Viết tắt : m2

1m2 = 100dm2

1dm2 = 100cm2

****1m2 = 10 000cm2

**B- BÀI TẬP THỰC HÀNH**

**Phần 1: Học sinh thực hiện các lệnh ghi trong bài toán:**

|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI TOÁN** | |
| **1.** Tính bằng hai cách:  Cách 1:  3  2  5 = *……………………………*  = *……………………………*  = *……………………………* | Cách 2:  3  2  5 = *……………………………*  = *……………………………*  = *……………………………* |
| **2.** Tính bằng hai cách:  Cách 1:  2  3  4  5 = *………………………*  = *………………………*  = *………………………* | Cách 2:  2  3  4  5 = *………………………*  = *………………………*  = *………………………* |
| **3.** Tính bằng cách thuận tiện nhất:  a) 23  5  20 = *………………………*  = *………………………*  = *………………………* | b) 5  17  20 = *………………………*  = *………………………*  = *………………………* |
| **4.** Tính bằng cách thuận tiện nhất:  a) 13  25  7  4 = *………………………*  = *………………………*  = *………………………* | b) 9  4  15  3 = *………………………*  = *………………………*  = *………………………* |
| **5.** Tính:  a) 1234  20 = *………………………*  = *………………………*  = *………………………*  c) 2340  300 = *………………………*  = *………………………*  = *………………………* | b) 240  60 = *………………………*  = *………………………*  = *………………………*  d) 1350  400 = *………………………*  = *………………………*  = *………………………* |
| **6.** Số?  a) 23dm2 = ……………cm2  c) 5600cm2 = ……………dm2 | b) 40dm2 = ……………cm2  d) 8000cm2 = ……………dm2 |
| **7.** Số?  a) 2dm2 30cm2  = ……………cm2 | b) 305cm2  = …..…dm2………cm2 |
| **8.** Số?  a) 310m2 = ……………dm2  c) 10m2 23dm2  = ……………dm2 | b) 13m2 = ……………cm2  d) 5m2 6dm2  = ……………dm2 |
| **9.** Số?  a) 2000cm2 = ……………m2 | b) 1200000cm2 = ……………m2 |
| **10.** Đúng ghi Đ, sai ghi S:  Hình chữ nhật có chiều dài 48dm, chiều rộng 25dm. Diện tích hình đó là?  a) 1200m2 b) 120m2 c) 12m2 | |

**Phần 2: Học sinh trình bày bài làm:**

**Bài 1**: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

 

**Bài 2**: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

 

**Bài 3**: Tính bằng cách thuận tiện nhất:







**Bài 4:** Một trường học có 7 lớp Bốn, mỗi lớp Bốn học trong một phòng học có 16 bộ bàn ghế, mỗi bộ bàn ghế có 2 học sinh ngồi học. Hỏi trường đó có tất cả bao nhiêu học sinh lớp Bốn ?

Bài giải

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Bài 5**: Mỗi bao gạo tẻ cân nặng 50kg, mỗi bao gạo nếp cân nặng 25kg. Một ô tô chở 20 bao gạo tẻ và 40 bao gạo nếp. Hỏi xe đó trở tất cả bao nhiêu tấn gạo?

Bài giải

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Bài 6**: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

 

 

**Bài 7**: Điền dấu ( > ; < ; = ).

 

**Bài 8**: Mỗi thùng chứa 250kg sách vở. Mỗi xe ô tô chở 4 thùng sách vở. Hỏi 2 xe ô tô như vậy chở mấy tấn sách vở?

Bài giải

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Bài 9.** Điền vào chỗ trống

25dm2 = ..............cm2 7400cm2 = ................dm2

5dm2 3cm2 = ..............cm2  18dm2 40cm2 = ................cm2

5m2 = ..............cm2 21m2 200cm2 = ................dm2

**Bài 10.** Một bao gạo cân nặng 60kg, một bao ngô cân nặng 40kg. Một ô tô chở 20 bao gạo và 40 bao ngô. Hỏi ô tô đó chở được tất cả bao nhiêu tạ gạo và ngô?

**Bài giải**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Bài 11.** Người ta dùng hết 300 viên gạch vuông cạnh 40cm để lát nền một căn phòng (phần mạch vữa không đáng kể). Hỏi căn phòng đó có diện tích bằng bao nhiêu mét vuông?

**Bài giải**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Bài 12.** Tính chu vi và diện tích hình sau:



**Bài giải**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Bài 13.** Mỗi hộp thuốc có 5 vỉ thuốc, mỗi vỉ thuốc có 8 viên thuốc. Hỏi 12 hộp thuốc đó có bao nhiêu viên thuốc?

**Bài giải**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Bài 14.** Để lát nền một căn phòng, người ta đã dùng 500 viên gạch vuông có cạnh 20cm. Hỏi căn phòng đó có diện tích bằng bao nhiêu mét vuông (phần mạch vữa không đáng kể)

**Bài giải**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Phần 3: ĐỐ VUI**

Ly gấp một tờ giấy hai lần rồi cắt nó, như hình vẽ:



Hỏi khi mở ra, bạn ấy nhận được bao nhiêu miếng giấy?

A. 10 B. 9 C. 12 D. 15

**ĐÁP ÁN**

**Phần 1:**

**1.**

|  |  |
| --- | --- |
| *Cách 1:*  3  2  5 = 6  5  = 30 | *Cách 2:*  3  2  5 = 3  (2  5)  = 3  10  = 30 |

**2.**

|  |  |
| --- | --- |
| *Cách 1:*  2  3  4  5 = 6  4  5  = 24  5  = 120 | *Cách 2:*  2  3  4  5 = (2  3)  (4  5)  = 6  20  = 120 |

**3.**

|  |  |
| --- | --- |
| a) 23  5  20 = 23  (5  20)  = 23  100  = 2300 | b) 5  17  20 = 17  (5  20)  = 17  100  = 1700 |

**4.**

|  |  |
| --- | --- |
| a)  13  25  7  4 = (13  7)  (25  4)  = 91  100  = 9100 | b)  9  4  15  3 = (9  3)  (15  4)  = 27  60  = 1620 |

**5.** a) 24680 b) 14400 c) 702 000 d) 540 000

**6.** a) 2300cm2 b) 4000cm2 c) 56dm2 d) 80dm2

**7.** a) 230cm2 b) 3dm2 5cm2

**8.** a) 31000dm2 b) 130000cm2 c) 1023dm2 d) 506dm2

**9.** a) 2m2 b) 120m2

**10.** a) S b) S c) Đ

**Phần 2:**

**Bài 9.** Điền vào chỗ trống

25dm2 = 2500cm2 7400cm2 = 74dm2

5dm2 3cm2 = 503cm2  18dm2 40cm2 = 1840cm2

5m2 = 50000cm2 21m2 200cm2 = 2102dm2

**Bài 10.** Một bao gạo cân nặng 60kg, một bao ngô cân nặng 40kg. Một ô tô chở 20 bao gạo và 40 bao ngô. Hỏi ô tô đó chở được tất cả bao nhiêu tạ gạo và ngô?

**Bài giải**

Ô tô chở được số ki-lô-gam gạo là:

60 x 20 = 1200 (kg)

Ô tô đó chở được số ki-lô-gam ngô là:

40 x 40 = 1600 (kg)

Ô tô đó chở được tất cả số ki-lô-gam gạo và ngô là:

1200 + 1600 = 2800 (kg)

Đổi 2800kg = 28 tạ

Đáp số: 28 tạ

**Bài 11.** Người ta dùng hết 300 viên gạch vuông cạnh 40cm để lát nền một căn phòng (phần mạch vữa không đáng kể). Hỏi căn phòng đó có diện tích bằng bao nhiêu mét vuông?

**Bài giải**

Diện tích của một viên gạch vuông là:

40 x 40 = 1600 (cm2)

Diện tích của căn phòng đó là:

1600 x 300 = 480000 (cm2)

Đổi: 480000cm2 = 48m2

Đáp số: 48m2

**Bài 12.** Tính chu vi và diện tích hình sau:

  
**Bài giải**

Kẻ một đường thẳng như hình vẽ ta được 1 hình vuông và 1 hình chữ nhật .

Diện tích hình vuông là :

10 x 10 = 100 (cm2)

Chiều rộng của hình chữ nhật là :

22 – 10 = 12 (cm)

Diện tích hình chữ nhật đó là :

12 x 5 = 60 (cm2)

Diện tích hình trên là :

100 + 60 = 160 (cm2)

Chu vi hình trên là :

(10 x 4 – 5) + (12 + 5) x 2 = 69 (cm)

Đáp số : Chu vi : 69cm

Diện tích : 160cm2

**Bài 13.**

*Bài giải*

Mỗi hộp thuốc có số viên thuốc là:

8  5 = 40 (viên)

12 hộp thuốc có số viên thuốc là:

40  12 = 480 (viên)

Đáp số: 480 viên thuốc

**Bài 14.**

*Bài giải*

Mỗi viên gạch có diện tích là:

20  20 = 400 (cm2)

Căn phòng có diện tích là:

400  500 = 200 000 (cm2)

200 000cm2 = 20m2

Đáp số: 20m2

**Bài 15**



1 mảnh

2 mảnh

4 mảnh

2 mảnh

1 mảnh

→có 10 mảnh

→ đáp án A